

Số: *283* /TB- HHĐTPB

Hải Phòng, ngày *26* tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO

Vị trí phao neo, trụ neo tránh trú bão trên các tuyến luồng ĐTNĐ quốc gia thuộc phạm vi trách nhiệm của Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Bắc năm 2025

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật số 60/2020/QH14 ngày 17/ 6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 ngày 20 / 6 /2023

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 48/2014/QH13 ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

Căn cứ Quyết định số 51/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tổ chức tìm kiếm, cứu nạn giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 12/2018/TT-BGTVT ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GTVT Quy định về công tác phòng, chống thiên tai trong lĩnh vực đường thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số 204/QĐ-BXD ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Hàng hải và Đường thủy;

Căn cứ Quyết định số 37/QĐ-HHĐTPB ngày 21/3/2025 của Chi cục trưởng Chi Cục Hàng hải và Đường thủy phía Bắc về việc thành lập Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Bắc năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-BPCTT&TKCN ngày 26/4/2025 của trưởng Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Bắc năm 2024 về việc phân công nhiệm vụ các thành viên Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Bắc năm 2025.

Thực hiện văn bản số 1137/CHHĐTVN-VTATPT ngày 24/4/2025 của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung phương án ứng phó thiên tai năm 2025

Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Bắc Thông báo vị trí phao neo, trụ neo tránh trú bão trên các tuyến luồng ĐTNĐ quốc gia thuộc phạm vi trách nhiệm của Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Bắc năm 2025.

(có danh mục vị trí phao neo, trụ neo tránh trú bão trên các tuyến luồng ĐTNĐ quốc gia thuộc phạm vi trách nhiệm của Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Bắc năm 2025 kèm theo).

Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Bắc Thông báo vị trí phao neo, trụ neo tránh trú bão trên các tuyến luồng ĐTNĐ quốc gia năm 2025 thuộc phạm vi trách nhiệm. Thuyền trưởng, người điều khiển phương tiện thủy hoặc chủ phương tiện tham gia giao thông chủ động tìm hiểu thực tế từng vị trí để neo đậu đảm bảo an toàn./.

Nơi nhận:

- Cục HH & NĐ VN (thay b/cáo);
- Báo Xây dựng;
- Website Cục HH & NĐ VN;
- Website Chi cục HH&ĐTPB;
- Cục Cảnh sát giao thông;
- Sở Xây dựng và Phòng CSGT, CSĐT các tỉnh, thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Hòa Bình, Sơn La, Quảng Ninh, Ninh Bình, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình;
- Tổng Công ty vận tải thủy;
- Cục Vận tải - Bộ Quốc phòng;
- Cảng vụ ĐTNĐ khu vực I,II (phối hợp);
- Cảng vụ ĐTNĐ Hải Phòng, Quảng Ninh (phối hợp);
- Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình (phối/hợp);
- Chi cục trưởng (thay B/ cáo);
- Các phòng ATĐT số 1, số 2, số 3, số 4;
- Các Cty cổ phần QLĐS số 2, số 4, số 5, số 6, số 8;
- Các Cty cổ phần QLBTĐTNĐ số 1, số 7, số 9; số 10;
- Đăng website Chi cục HH và ĐT phía Bắc;
- Lưu VT, NV

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Phạm Đình Kiêu

DANH MỤC VỊ TRÍ PHAO NEO, TRỤ NEO TRÁNH TRÚ BẢO CHO TÀU THUYỀN NĂM 2025
TRÊN TUYẾN LƯỞNG ĐTND QUỐC GIA THUỘC PHẠM VI TRÁCH NHIỆM CỦA CHI CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY PHÍA BẮC
(Kèm theo văn bản số 283/HHĐTPB - NV ngày 26/5/2025 của Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Bắc)

STT	Sông	Lý trình	Hệ WGS84		Địa danh	Ghi chú
			Vĩ độ	Kinh độ		
A	Miền Bắc					
I	Vị trí phao neo					
1	Tuyến sông Dáy	11+00	19°96'24"	106°09'58"	Kim Đông – Kim Sơn – Ninh Bình	
2		11+200	19°96'52"	106°09'57"		
3	Tuyến sông Ninh Cơ	14+300	20°06'20"	106°20'81"	Nghĩa Phong – Nghĩa Hưng – Nam Định	
4	Tuyến sông Hồng	8+00	20°18'30"	106°39'08"	Giao Thiện – Giao thủy – Nam Định	
5	Luồng Bài Thơ-Đầu Mối	2+500	20°56'11"	107°06'18"	Khu vực thành phố Hạ Long	
6		5+00	20°56'39"	107°05'50"	Khu vực thành phố Hạ Long	
7		6+00	20°56'40"	107°06'03"	Khu vực thành phố Hạ Long	
8	Ba Mom	4+500	20°52'22"	106°58'05"	Khu vực Cửa Làng Gia Luận	
9	Luồng Vân Đồn-Cô Tô	55+00	20°57'36.5"	107°45'03.0"	Ấu tàu Cô Tô, huyện Cô Tô	
10	Tuyến sông Kinh Thầy	30+200	21°02'39"	106°21'55.0"	Đồng Lạc - Chí Linh - Hải Dương	
11		30+400	21°02'34"	106°21'54.0"		
12	Tuyến sông Cấm	5+00	20°55'58.3"	106°36'08.0"	An Hồng - An Dương - Hải Phòng	
13	Tuyến sông Đá Bạch	3+800	20°58'44.1"	106°45'49.5"	Gia Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng	
14	Tuyến sông Lạch Tray	3+00	20°47'06.0"	106°44'02.8"	Hải Thành - Dương Kinh - Hải Phòng	
15	Tuyến sông Văn Úc	36+00	20°45'52.0"	106°32'51.8"	Tự Cường - Tiên Lãng - Hải Phòng	
16		56+700	20°51'36.7"	106°28'40.3"	Hợp Đức - Thanh Hà - Hải Phòng	



II		Vị trí trụ neo				
1		40+150	20°41'29.4"	106°15'15.8"	Quy nh Lâm, Quy nh Phú, Thái Bình	
2		40+450	20°41'28.5"	106°15'17.7"		
3		40+750	20°41'27.6"	106°15'19.8"		
4		51+550	20°38'53.2"	106°13'21.1"		
5		51+650	20°38'53.6"	106°13'20.7"	Diệp Nông, Hưng Hà, Thái Bình	
6		49+050	20°30'24.4"	106°19'07.6"		
7		49+150	20°30'24.6"	106°19'05.5"		
8		66+750	20°31'03.0"	106°12'33.9"		
9		66+900	20°31'03.0"	106°12'30.9"	Hồng Minh, Hưng Hà, Thái Bình	
10		21+00	21°17'5"	107°26'41"		
11		5+00	21°22'46"	107°54'13"		
12		9+00	21°46'53"	107°97'74"		
13	Tuyến sông Thái Bình	62+500	20°53'09.7"	106°22'38.3"	Bình Ngọc, Tp Móng Cái, tỉnh QN	
14		62+500	20°53'05.7"	106°22'39.3"		
15	Âu Nghĩa Hưng	00+600	20°08'07.9"	106°10'32.6"	Nghĩa Sơn - Nghĩa Hưng - Nam Định	
16		1+300	20°08'16.4"	106°10'21.0"		
17	Tuyến sông Đáy	84+00	20° 16' 40"	105° 59' 10"	Gia Tân - Hoa Lư - Ninh Bình	
18	Tuyến sông Ninh Cơ	31+500	20°26'04"	106°31'38"	Việt Hùng – Trục Ninh – Nam Định	
19		33+501	20°27'78"	106°32'36"		
20	Tuyến sông Đào Nam Định	3+00	20°37'93"	106°15'44"	Yên Nhân – Ý Yên – Nam Định	
21		11+00	20°40'44"	106°17'01"		

22	Tuyến sông Hồng	78+00	20°27'57.6"	106°13'21.1"	Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định	
23		78+200	20°28'01.6"	106°13'17.9"		
24		108+700	20°36'32.1"	106°03'44.1"	Quảng Châu, TP Hưng Yên, Hưng Yên	
25		145+100	20°48'54.00"	105°54'36.00"	Xã Thống Nhất, huyện Thường Tín, Tp.Hà Nội	
26		145+300	20°48'56.00"	105°54'37.00"		
27		167+400	20°56'49.00"	105°52'60.00"	Xã Yên Mỹ, huyện Thanh Trì, TP.Hà nội	
28		167+900	20°56'48.00"	105°52'59.00"		
29		180+800	21°01'32.00"	105°52'03.00"	P. Bồ Đề, Q. Long Biên, TP Hà Nội	
30		181+700	21°02'12.00"	105°51'51.00"	P. Long Biên, Q. Long Biên, TP Hà Nội	
31		182+100	21°02'12.00"	105°51'56.00"		
32		185+900	21°02'52.00"	105°51'21.00"	(P. Ngọc Thụy), Yên Phụ Q. Ba Đình, TP Hà Nội	
33		186+300	21°02'51.00"	105°51'22.00"		
34		279+400	21°16'55.6"	105°15'38.9"	Xã Hương Nộn, Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ	
35		282+000	21°17'46.3"	105°15'31.7"	Xã Vạn Xuân, Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ	
36		292+700	21°23'48.2"	105°14'25.8"	Xã Hà Thạch, TX Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ	
37		293+900	21°23'56.8"	105°14'11.5"		
38		322+200	21°26'00.2"	105°08'10.6"	Xã Hoàng Cương, Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ	
39		324+000	21°26'55.4"	105°07'21.8"		
40		376+200	21°41'31.6"	104°52'22.9"	Phường Hợp Minh, TP Yên Bái, Tỉnh Yên Bái	
41		377+300	21°41'44.8"	104°52'01.0"		

42	Tuyến sông Lô	12+500	21°21'34.6"	105°23'34.1"	Xã Phượng Lâu - TP Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ	
43		13+000	21°21'46.3"	105°23'27.9"	Xã Hùng Lô - TP Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ	
44		14+000	21°22'11.9"	105°23'38.0"	Xã Tứ Yên - H. Sông Lô - Tỉnh Vĩnh Phúc	
45		14+200	21°22'22.3"	105°23'40.9"	Xã Bình Phú - H. Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ	
46		63+500	21°37'39.0"	105°11'13.4"	Xã Sóc Đăng - H. Đoan Hùng - Tỉnh Phú Thọ	
47		64+400	21°38'05.0"	105°11'25.1"	Xã Hợp Nhất - H. Đoan Hùng - Tỉnh Phú Thọ	
48		57+000	21°04'27.00"	105°55'25.00"	TT. Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	
49		57+100	21°04'29.00"	105°55'23.00"		
50	Tuyến sông Đuống	60+500	21°04'40.00"	105°53'59.00"		
51		60+600	21°04'41.00"	105°53'54.00"		
52		61+500	21°04'34.00"	105°53'26.00"	Phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội	
53		61+600	21°04'33.00"	105°53'22.4"		
54	Tuyến sông Đà Bach	21+300	21°00'37.2"	106°37'31.4"	Liên Khê - Thủy Nguyên - Hải Phòng	
55	Tuyến sông Lạch Tray	5+100	20°48'21.2"	106°42'40.6"	Tràng Cát - Hải An - Hải Phòng	
56		22+100	20°49'23.0"	106°37'49.0"	Hồng Thái - An Dương - Hải Phòng	
57		31+00	20°50'53.0"	106°34'11.1"	Trường Thành - An Lão - Hải Phòng	
58	Tuyến sông Phi Liệt	3+300	21°00'54.7"	106°35'09.7"	Liên Xuân - Thủy Nguyên - Hải Phòng	
59	Sông Đà	50+700	20°51'46.2"	105°20'06.9"	Phường Tân Hòa, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình	
60		50+660	20°51'47.8"	105°20'07.7"		



61	Hồ Hòa Bình	5+970	20°47'41.9"	105°15'48.5"	Xã Vầy Nưa, Huyện Đà Bắc, Tỉnh Hòa Bình	
62		6+000	20°47'41.5"	105°15'48.1"		
63		6+030	20°47'41.3"	105°15'47.9"		
64		16+570	20°46'14.3"	105°10'53.2"		
65		16+600	20°46'14.3"	105°10'53.0"		
66		16+630	20°46'14.2"	105°10'53.3"		
67		31+470	20°46'26.8"	105°04'19.4"	Xã Đồng Tân, Huyện Mai Châu, Tỉnh Hòa Bình	
68		31+500	20°46'27.0"	105°04'19.6"		
69		31+530	20°46'27.5"	105°04'19.4"		
70		Hồ Hòa Bình	52+420	20°53'21.4"	104°58'42.5"	Xã Quang Minh, Huyện Vân Hồ, Tỉnh Sơn La
71	52+450		20°53'21.9"	104°58'43.0"		
72	52+480		20°53'21.9"	104°58'43.3"		
73	55+970		20°55'32.8"	104°56'45.5"	Xã Mường Tè, Huyện Vân Hồ, Tỉnh Sơn La	
74	56+000		20°55'32.7"	104°56'45.3"		
75	56+030		20°55'32.7"	104°56'45.1"		
76	64+970		20°59'38.1"	104°53'55.7"	Xã Mường Chiềng, Huyện Đà Bắc, Tỉnh Hòa Bình	
77	65+000		20°59'38.2"	104°53'55.3"		
78	65+030		20°59'38.2"	104°53'54.9"		
79	Hồ Sơn La		1+000	21°30'55.1"	103°58'24.0"	Thị trấn Ít Ong, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La
80		1+060	21°30'55.1"	103°58'23.8"		
81		86+000	21°57'25.0"	103°30'57.0"	Xã Cà Nàng, Huyện Quỳnh Nhai, Tỉnh Sơn La	
82		86+060	21°57'25.1"	103°30'56.8"		
83		156+300	22°04'22.2"	103°08'49.2"	Xã Lê Lợi, Huyện Nậm Nhùn, Tỉnh Lai Châu	
84		156+360	22°04'21.4"	103°08'49.2"		
III	Vùng nước neo đậu					

1	Luồng Hòn Dứa-Cửa Đói	12+800	20°53'32"	107°18'37"	xã Thắng Lợi huyện Văn Đồn	
2	Luồng Cẩm Phả-Hạ Long	0+500	20°59'22"	107°17'49"	Vũng Đục, TP Cẩm phả, Quảng Ninh	
3	Luồng Hạ Long-Yên Hưng	9+00	20°54'03"	107°01'03"	Vụng Ba Hang	
4	Lạch Ngăn	0+500	20°52'34"	106°57'26.2"	Khu vực cặp Ngõ Đồng	
B Miền Trung						
I Sông Trường Giang						
1	Khu neo đậu Hồng Triêu	01+300	15°51'7.62"	108°21'34.78"	Xã Duy Nghĩa, huyện Duy Xuyên	
II Tuyến Hội An - Cù Lao Chàm						
1	Phao neo Ø4,0m PN.CL.C.01	16+000	15°57'15.22"	108°29'27.20"	Xã Tân Hiệp, TP Hội An	
2	Phao neo Ø4,0m PN.CL.C.02	16+000	15°57'11.14"	108°29'38.11"	Xã Tân Hiệp, TP Hội An	
3	Phao neo Ø4,0m PN.CD.01	0+350	15°52'18.72"	108°23'34.45"	Xã Duy Nghĩa, huyện Duy Xuyên	
4	Phao neo Ø4,0m PN.CD.02	0+600	15°52'14.87"	108°23'29.85"	Xã Duy Nghĩa, huyện Duy Xuyên	
III Sông Hiếu						
1	Khu neo đậu Cửa Việt	1+00	16°53'45.97"	107°11'05.05"	Xã Triệu Tân - Triệu Phong - Quảng Trị	
2	Khu neo đậu Bắc Cửa Việt	4+00	16°53'09.01"	107°09'32.54"	T.trấn Cửa Việt - Gio Linh - Quảng Trị	
IV Sông Bến Hải						
1	Khu neo đậu Cửa Tùng	1+00	17°00'43.83"	107°06'18.94"	T.trấn Cửa Tùng - Vĩnh Linh - Quảng Trị	